

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/3/2025

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng, bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu V, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng S**, sinh năm 1988. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu V, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người được chị Nguyễn Thị H ủy quyền giao, nhận văn bản: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt (chị H, ông K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản gửi cho Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị với anh Nguyễn Trọng S tự nguyện kết, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 23/02/2011. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Dù đã được gia đình hòa giải, động viên nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn và đã sống ly thân, không liên lạc với nhau một thời gian dài. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn anh S.

Chị với anh S có 02 con chung là Nguyễn Mai T- sinh ngày 04/12/2011 và Nguyễn Trang A- sinh ngày 21/6/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho tới khi thành niên và ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K chăm sóc hai con trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam. Chị và anh S tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trình bày: Cuộc sống chung giữa chị H và anh S không hòa hợp do tính cách và quan điểm sống khác nhau. Sau đó cả hai cùng đi lao động ở Đài Loan nhưng mỗi người ở một nơi nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Vì vậy ông đề nghị Tòa án chấp nhận cho vợ chồng được ly hôn để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng và chấp nhận cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mai T, cháu Nguyễn Trang A cho tới khi thành niên. Ông nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị X (*chị gái ruột của anh Nguyễn Trọng S*) trình bày: Anh S và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì cả hai đều đi lao động tại Đài Loan. Do mỗi người ở một nơi nên vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm dần lạnh nhạt. Vợ chồng nhiều lần trao đổi với gia đình hai bên về vấn đề ly hôn và đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Qua trao đổi với chị, anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn chị H, nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho tới khi thành niên. Anh S và chị H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng S. Giao hai con chung là Nguyễn Mai T- sinh ngày 04/12/2011 và Nguyễn Trang A- sinh ngày 21/6/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Tạm giao cháu Mai T và cháu Trang A cho ông Nguyễn Văn K nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam. Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Trọng S hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của các đương sự tại phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 23/02/2011. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị H phù hợp với trình bày của ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị X nên có căn cứ xác định cuộc sống chung giữa chị H và anh S không hòa hợp do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Mặt khác sau khi sang Đài Loan, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ nhau các vấn đề của cuộc sống làm cho tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Gia đình nhiều lần hòa giải, động viên nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện chị H xin ly hôn, anh S nhất trí ly hôn nhưng vì các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị H được ly hôn anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H với anh S có 02 con chung là Nguyễn Mai T- sinh ngày 04/12/2011 và Nguyễn Trang A- sinh ngày 21/6/2019. Các đương sự thống nhất giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai T, cháu Trang A đều muốn ở cùng chị H nên được chấp nhận. Chị H và anh S tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Nguyễn Văn K đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai T và cháu Trang A trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng S.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Mai T- sinh ngày 04/12/2011 và Nguyễn Trang A- sinh ngày 21/6/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

Tạm giao cháu Nguyễn Mai T và cháu Nguyễn Trang A cho ông Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nguyễn Thị H không có mặt ở Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai 0005498 ngày 21/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy